ĐIỂM PHÒNG THI 106(A5-1)

Phòng thi cả 5 môn

Stt	Số phiếu	SBD	Họ và tên		Toán	Lý	Hóa	Sinh	Anh	Tổng	Ghi chú
1	74	1	Hoàng Vũ Việt	Anh	V	V	V	V	V	0	
2	78	2	Lê Tuấn	Anh	8	9	9.25	2.25	2.6	31.1	
3	80	3	Nguyễn Phương	Anh	5	4.75	6	7.25	2.6	25.6	
4	82	4	Trần Mộc	Anh	5.8	2.75	7	7	V	22.55	
5	83	5	Nguyễn Lan	Anh	7.6	4	9	8.5	V	29.1	
6	87	6	Cao Tùng	Anh	5.4	5	6.5	2	V	18.9	
7	92	7	Lê Hoài	Anh	6.2	2.5	8.75	7.75	V	25.2	
8	136	8	Mai Tùng	Anh	5.2	5.25	6.5	1.75	3.2	21.9	
9	186	9	Nguyễn Phương	Anh	V	6.5	5.75	0	V	12.25	
10	262	10	Lê Thị	Anh	7.2	8	4.25	0	5	24.45	
11	409	11	Nguyễn Mỹ	Anh	4.8	4.25	3	2.75	7.4	22.2	
12	410	12	Nguyễn Diệu	Anh	4.6	6.25	4	2	8.6	25.45	
13	301	13	Hà Hoàng	Anh	7.2	7.75	7.5	0	V	22.45	
14	302	14	Hà Hoàng	Anh	6.2	6.75	6	0	4.8	23.75	
15	307	15	Hoàng Thị Lan	Anh	6.4	6.75	8.25	3	V	24.4	
16	325	16	Vũ Minh	Anh	7.8	9.25	8.75	1	2.8	29.6	
17	341	17	Trần Duyên	Anh	5.6	3.25	5.25	6.5	V	20.6	
18	342	18	Phạm Quỳnh	Anh	6.2	3.75	6	5.5	V	21.45	
19	343	19	Trần Việt	Anh	5.8	6	5	0	V	16.8	
20	345	20	Trần Sỹ	Anh	6.6	5	5	2.75	2.2	21.55	
21	352	21	Trương Uyên	Anh	5.4	2.5	6.75	5.25	V	19.9	
22	77	22	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	7	6.5	3.75	3	8.2	28.45	
23	293	23	Lê Thị Minh	Ánh	7.4	7.5	4.5	0	7.6	27	
24	31	24	Phạm Xuân	Bách	5.6	7.5	0	0	5	18.1	
25	415	25	Lê Gia	Bảo	8.2	7.25	8	1.5	8.2	33.15	
26	90	26	Lê Linh	Chi	4.8	5.25	4	2	V	16.05	
27	358	27	Trần Tuyết	Chinh	6.8	7.25	8.5	3	V	25.55	
28	353	28	Nguyễn Hữu	Cường	5.8	3.25	5	4	V	18.05	
29	314	29	Trương Xuân	Đại	7	5.5	7.5	4.5	2.2	26.7	
30	315	30	Lê Học	Đại	6.8	7.75	8.5	0	V	23.05	
31	84	31	Lê Tăng	Đàn	7.6	6.75	8.75	2.5	V	25.6	
32	94	32	Tô Xứng	Đáng	8	8.25	9	2.5	5	32.75	
33	310	33	Đỗ Văn	Đạt	7.8	7.75	7	0	V	22.55	
34	311	34	Hà Văn	Đạt	8.4	7.75	8.25	0	V	24.4	
35	312	35	Hoàng Văn	Đạt	7.2	5.5	8.25	8.25	V	29.2	
36	313	36	Trần Văn	Đạt	7.2	7.75	8.5	0	V	23.45	
37	323	37	Đỗ	Đạt	7.4	7.25	8.5	0	V	23.15	
38	359	38	Lê Quốc	Đạt	5.8	6.25	6.5	3	2.4	23.95	
39	308	39	Lê Văn	Duẩn	7.6	8.5	8.5	0	V	24.6	
40	335	40	Nguyễn Hồng	Dung	6.6	8.5	0	0	7.4	22.5	
41	322	41	Nguyễn Việt	Dũng	6.8	6.25	6.5	0	V	19.55	
42	356	42	Hà Hữu	Dương	7.2	7	7.25	0	V	21.45	
43	290	43	Nguyễn Minh	Giang	7.8	6.5	2.25	3.5	6.4	26.45	
44	62	44	Vũ Thu	Hà	6	5.75	6.5	3	3.2	24.45	
45	412	45	Lưu Thị	Hà	7.2	6	3.5	2.75	7	26.45	
46	334	46	Mai Việt	Hà	6.8	V	V	V	8.4	15.2	
47	85	47	Lê Thanh	Hải	8	2.75	8.5	8.75	1.8	29.8	

48	184	48	Trịnh Thị Thúy	Hằng	7.8	7.5	6	5.25	3.4	29.95	
49	327	49	Nguyễn Thúy	Hiền	7.2	7.75	8.25	3.25	V	26.45	
50	187	50	Phạm Minh	Hiếu	7	8.25	8.5	6.75	5.4	35.9	
51	331	51	Đỗ Trung	Hiếu	7.6	6.25	8.5	7.25	V	29.6	
52	347	52	Lê Văn	Hiếu	7.4	5	6.25	3	2.6	24.25	
53	305	53	Lê Hoàng Mai	Hoa	8.2	7.25	0	0	8.4	23.85	
54	25	54	Đỗ Duy	Hoàng	5.4	5.5	4	3.25	3.4	21.55	
55	346	55	Trần Trọng	Hoàng	5.6	5	5	3	3.2	21.8	
56	326	56	Vũ Mạnh	Hùng	5.2	3.75	7.25	3.75	2.2	22.15	
57	279	57	Nguyễn Duy	Hưng	7.8	7.75	3.25	2.5	8.6	29.9	
58	153	58	Nguyễn Quang	Huy	7.8	7.25	5.25	3.5	3.4	27.2	
59	413	59	Lê Đình	Huy	5	0	4.75	5.25	V	15	
60	351	60	Nguyễn Ngọc	Huy	9.4	8.5	9	4	2.6	33.5	

ĐIỂM PHÒNG THI 107(A5-1)

Phòng thi cả 5 môn

Stt	Số phiếu	SBD	Họ và tên		Toán	Lý	Hóa	Sinh	Anh	Tổng	Ghi chú
1	354	61	Lê Trọng	Huy	4.2	4.75	2.25	1.75	V	12.95	
2	53	62	Lê Văn	Huyên	5.4	5.5	4.25		4.6	19.75	
3	416	63	Nguyễn Ngọc	Kỷ	9.4	6.25	10	8.5	2	36.15	
4	93	64	Lê Hoàng	Lâm	6.8	7.25	3	2.5	8.2	27.75	
5	33	65	Nguyễn Hoàng Nhậ	Linh	6.6	7.5			8.4	22.5	
6	91	66	Lê Thị Phương	Linh	7.8	9	8.5	3	2.8	31.1	
7	142	67	Lê Hoàng Gia	Linh	7.4	7.25	3	2.5	6	26.15	
8	433	68	Ninh Tiến	Linh	6	1.5	6	6	V	19.5	
9	348	69	Hoàng Diệu	Linh	4.8	3.75	3.75	1.75	3	17.05	
10	357	70	Hoàng Mai	Linh	6.8	8.25	8.75	3	V	26.8	
11	361	71	Phùng Bá	Linh	5	5.75	4	3.75	3.2	21.7	
12	56	72	Lê Thị	Loan	5	3.5			2.8	11.3	
13	332	73	Nguyễn Thị Mai	Lương	6.8	8.5	3.5		7.4	26.2	
14	337	74	Nguyễn Quang	Minh	7.6	8.25	1.75	2.75	5.8	26.15	
15	144	75	Nguyễn Ngọc	Nam	8.8	7.5	8	5	6.8	36.1	
16	95	76	Lê Hồng	Nga	9.2	3.5	9.25	9.25	V	31.2	
17	86	77	Nguyễn Bích	Ngọc	5.8	6.5	2.75	1.25	6.8	23.1	
18	350	78	Lê Thị	Ngọc	5.8	6	5.25	1.75	2	20.8	
19	1	79	Phạm Mai	Nguyệt	6.2	6.75	4.5	2.75	5.4	25.6	
20	183	80	Đỗ Trang	Nhung	7.2	8	4	3.255	6.8	29.26	
21	303	81	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	7.4	7.5	5.75	4.25	7.8	32.7	
22	304	82	Nguyễn Thị	Nhung	7.6	8.25	5.5	3.25	6.2	30.8	
23	155	83	Cao Thị	Nụ	4.8	4.25	4.75		3.4	17.2	
24	355	84	Nguyễn Hữu	Anh	5.6	6.25	5.25	3	V	20.1	
25	306	85	Đỗ Thị	Phương	6.6	7.75	7	1.5	V	22.85	
26	309	86	Lê Thị	Phương	4.6	5.75	6	4	V	20.35	
27	318	87	Nguyễn Thị	Phương	5	4.25	5.5		V	14.75	
28	319	88	Hồ Thị	Phương	7.2	5.5	7	7.25	V	26.95	
29	344	89	Trần Sỹ	Quân	6.2	7	5.75	2.25	1.8	23	
30	363	90	Lê Văn	Quyền	8.4	8.5	8	3	1.4	29.3	
31	112	91	Nguyễn Thị	Quỳnh	6.8	7.75			6.8	21.35	
32	316	92	Nhữ Văn	Sơn	7	6.5	7.25		V	20.75	
33	317	93	Hán Thanh	Sơn	6.2	4.25	5.25		V	15.7	
34	324	94	Đỗ Hồng	Sơn	7.4	8.5	7.75	2	3.8	29.45	
35	329	95	Nguyễn Văn	Tăng	6	6.5	6.25		V	18.75	
36	79	96	Phạm Diệu	Thanh	5.8	7.25	5		V	18.05	

ĐIỂM PHÒNG THI 109(A5-1)

Phòng thi cả 5 môn

Stt	Số phiếu	SBD	Họ và tên		Toán	Lý	Hóa	Sinh	Anh	Tổng	Ghi chú
1	88	97	Lê Nam	Thành	7.4	7.5	4	2.5	6	27.4	
2	320	98	Nguyễn Văn	Thành	6.6	5.75	8.5		V	20.85	
3	430	99	Tào	Tháo	7.4	7.25			8	22.65	
4	111	100	Phạm Phương	Thảo	5.8	6.25	3.75		6.4	22.2	
5	81	101	Trần Anh	Thiên	5.6	3.5	7.75	6.25	V	23.1	
6	89	102	Mai Thế	Thịnh	6.6	7.75	2.25	3.25	8	27.85	
7	431	103	Châu Bá	Thông	8	7			6.8	21.8	
8	432	104	Lý	Thông	7.2	6.75			4.2	18.15	
9	349	105	Lê Thị	Thương	5.8	6.25	6.25	2.25	3.2	23.75	
10	97	106	Nguyễn Thị	Thúy	6	5.75	3.25	3.25	5.8	24.05	
11	11	107	Ngô Thu	Trang	V				V	0	
12	151	108	Đỗ Thị Thanh	Trang	6	4.75	7.75	6	3	27.5	
13	328	109	Hồ Thị	Trang	5.8	8	4.5		V	18.3	
14	8	110	Nguyễn Thanh	Trúc	6.4	8.5	4.5		9.2	28.6	
15	360	111	Phạm Văn	Tú	8.4	7.75	8.75	3.75	1.6	30.25	
16	32	112	Mai Anh	Tuấn	7.2	5.75	5.25		V	18.2	
17	362	113	Lại Như	Tùng	7.8	6.5	5.75	3.75	3.2	27	
18	35	114	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	4	2.5	1.75	2.5	3	13.75	
19	289	115	Trương Thị Kiều	Vân	7.8	7.75	3.5		7	26.05	
20	411	116	Bùi Khánh	Vân	6	7.5	3.5	3	5.2	25.2	
21	321	117	Bùi Thị	Yến	6.8	7.25	7.75	2.75	V	24.55	
22	150	118	Lê Tuấn	Anh	5	7			4.2	16.2	T+L+A
23	167	119	Lê Nam	Anh	5.6	4			2.4	12	T+L+A
24	168	120	Nguyễn Quốc	Cường	6.4	7.25			5.4	19.05	T+L+A
25	20	121	Phạm Nguyễn Minh	Đức	8.2	8.75			8.6	25.55	T+L+A
26	166	122	Trịnh Hữu	Giang	4.6	7.25			2.4	14.25	T+L+A
27	140	123	Lê Thị Phương	Hà	5.6	6.75			5	17.35	T+L+A
28	193	124	Lê	Linh	7.4	8			8.4	23.8	T+L+A
29	194	125	Lê	Linh	7	8			7.8	22.8	T+L+A
30	75	126	Nguyễn Quang	Minh	8.4	8			8	24.4	T+L+A
31	76	127	Nguyễn Tuấn	Minh	6.6	7.75			9.4	23.75	T+L+A
32	23	128	Đặng Phương	Nam	5.2	5.25			4.2	14.65	T+L+A
33	21	129	Nguyễn Thị Xuân	Quỳnh	8.2	8.75			7.2	24.15	T+L+A
34	195	130	Nguyễn Thanh	Tâm	6.2	8.5	7.75		V	22.45	T+L+A
35	24	131	Trịnh Duy	Thành	8	8.75			9.2	25.95	T+L+A
36	473	132	Nguyễn Hoàng	Duy	6.4	5.5	5.5		V	17.4	

ĐIỂM PHÒNG THI 110(A5-1)
Phòng thi: Toán+Lý+Hóa

Stt	Số phiếu	SBD	Họ và tên		Toán	Lý	Hóa	Sinh	Anh	Tổng	Ghi chú
1	163	133	Vũ Đình	Anh	4	3.25	4.25			11.5	
2	255	134	Cao Văn	Anh	6.2	7.25	6.75			20.2	
3	256	135	Lê Bá	Anh	5.6	7.25	8			20.85	
4	257	136	Lê Đăng	Anh	7.4	7.25	8			22.65	
5	258	137	Lê Văn	Anh	6.6	7.25	6.75			20.6	
6	259	138	Lê Hồng	Anh	6.8	7	7.25			21.05	
7	260	139	Lê Nhi	Anh	7.2	7	5.5			19.7	
8	261	140	Nguyễn Lan	Anh	5	4.25	4.75			14	
9	268	141	Lê Xuân	Anh	7.2	7.5	7.5			22.2	
10	455	142	Lê Năng Đức	Anh	6.6	5.75	7.25			19.6	
11	472	143	Nguyễn Đức	Anh	6.4	7.75	6.5	3.5		24.15	
12	188	144	Lê Anh	Cường	4.4	6.75	4			15.15	
13	454	145	Đặng Mạnh	Đức	8.2	6.25	7			21.45	
14	44	146	Nguyễn Kim	Dung	7.2	7.5	7.25			21.95	
15	459	147	Lê Anh	Dũng	6.6	7.75	7.5			21.85	
16	67	148	Lê Minh	Dương	6.8	8	8.5	2.5		25.8	
17	449	149	Mai Đức	Duy	6.2	6.5	8			20.7	
18	3	150	Lê Phương	Giang	5.8	7	6.75			19.55	
19	270	151	Lê Văn	Hải	7.2	7.25	5.5			19.95	
20	173	152	Đỗ Mai	Hương	6.4	7	6	2		21.4	
21	138	153	Vũ Minh	Huy	5.2	6.5	5.75	1.25		18.7	
22	139	154	Võ Chân	Huy	4.4	6	5	2.25		17.65	
23	450	155	Nghiêm Đức	Huy	6.8	8	9.25			24.05	
24	6	156	Tào Ngọc	Linh	V	7.5	9.25			16.75	
25	471	157	Nguyễn Hùng	Linh	6	6.25	5.75			18	
26	2	158	Lê Văn	Lương	8.2	7.75	7.75			23.7	
27	460	159	Vũ Đức	Lương	6.6	7.25	9			22.85	
28	7	160	Quản Bá	Minh	6	6.75	6			18.75	
29	65	161	Đỗ Ngọc	Minh	8	7.75	8			23.75	
30	266	162	Đỗ Đức	Minh	8.2	8	7.5	2.25		25.95	
31	457	163	Lê Sỹ	Minh	8.4	6.75	7			22.15	
32	458	164	Lê Tuấn	Minh	7.4	8	6.75			22.15	
33	22	165	Đàm Phương	Nam	7.4	7.75	8.75			23.9	
34	172	166	Vũ Đức	Nam	5.2	4.25	6.25	2.25		17.95	
35	66	167	Nguyễn Minh	Ngọc	6.8	7.5	6.25			20.55	
36	196	168	Nguyễn Phúc	Nguyên	V	8	6			14	
37	267	169	Lê Việt	Phương	7.8	8.25	7.25	3		26.3	
38	330	170	Trần Anh	Phương	7.6	8	8.25			23.85	
39	269	171	Lường Tú	Quân	6.2	8	6			20.2	
40	68	172	Trần Đăng	Quang	7.2	8.25	8			23.45	
41	171	173	Nguyễn Xuân	Quý	6.2	6.75	6.75			19.7	
42	154	174	Vũ Thị Như	Quỳnh	V	V	V			0	
43	254	175	Lê Văn	Sơn	6	7	4.75			17.75	
44	72	176	Hoàng Lê Thanh	Tâm	6.8	7	9			22.8	
45	174	177	Nguyễn Đức	Thắng	6.8	6.5	8.5			21.8	
46	265	178	Nguyễn Văn	Thành	7	7.5	6	2.25		22.75	
47	162	179	Nguyễn Thị Phương	Thu	5.8	7	6.75			19.55	

48	170	180	Lê Thị	Tình	3.8	4.75	5.5			14.05	
49	180	181	Nguyễn Công	Tôn	4.8	6	6			16.8	
50	181	182	Lê Duy	Tôn	4	3.5	4.5			12	
51	271	183	Lê Thị	Trang	V	V	V			0	

ĐIỂM PHÒNG THI 111(A5-1)
Phòng thi: KHTN+Toán

Stt	Số phiếu	SBD	Họ và tên		Toán	Lý	Hóa	Sinh	Anh	Tổng	Ghi chú
1	179	184	Hà Khả	Ái	7.8	7.75	6.5	V		22.05	
2	63	185	Hoàng Đức	Anh	5.6	5.75	4.75	V		16.1	
3	64	186	Nguyễn Vân	Anh	5	7	5.75	2.25		20	
4	96	187	Đỗ Thùy	Anh	7.6	4	8.5	7.75		27.85	
5	159	188	Lê Quang	Anh	6.6	4.75	5.75	3		20.1	
6	169	189	Nguyễn Việt	Anh	5.6	V	V	V		5.6	
7	251	190	Phạm Đức	Anh	7.2	7	7.25	V		21.45	
8	252	191	Trịnh Ngọc	Anh	8.2	5.75	7.75	2.25		23.95	
9	274	192	Phạm Văn	Anh	5.4	5	5.5	1.75		17.65	
10	438	193	Phạm Tuấn	Anh	7.8	5.25	7.75	7.75		28.55	
11	439	194	Hoàng Gia	Anh	7.2	6.25	7.25	2.75		23.45	
12	440	195	Hoàng Ngọc	Anh	5.4	7.5	5.5	3		21.4	
13	462	196	Vũ Đức	Anh	1	7.75	7	V		15.75	
14	50	197	Phạm Khắc	Ánh	6.6	7.25	7.25	V		21.1	
15	51	198	Vũ Thị Ngọc	Ánh	7.2	7.25	7.25	V		21.7	
16	100	199	Hán Thị Ngọc	Ánh	5.6	6.25	6.75	3.25		21.85	
17	101	200	Hán Ngọc	Ánh	5.4	5.25	6	3.75		20.4	
18	294	201	Lê Thị Minh	Ánh	6	5.5	7	4		22.5	
19	333	202	Nguyễn Nhật	Ánh	7.2	6.25	6	4		23.45	
20	200	203	Trịnh Văn	Bắc	7.6	6.75	7.5	3.75		25.6	
21	443	204	Nhữ Văn	Bằng	8.6	6.75	8.25	V		23.6	
22	147	205	Đỗ Thành	Bình	6.8	6.25	8.25	8.5		29.8	
23	441	206	Doãn Chí	Bình	7.8	6.75	6.75	3		24.3	
24	297	207	Lê Thế	Cần	6.8	6.5	5.5	3		21.8	
25	418	208	Nguyễn Ngọc	Cảnh	7.8	8.25	8.75	2.75		27.55	
26	177	209	Nguyễn Văn	Cay	1.4	8.75	8	2.5		20.65	
27	176	210	Trung Hiếu	Chiến	6.8	5	4.75	3.5		20.05	
28	291	211	Mai Minh	Chính	6.4	5.75	7	2.75		21.9	
29	429	212	Phạm Thành	Công	7	7.25	7	V		21.25	
30	69	213	Nguyễn Văn	Cừ	3.4	2.5	4.25	3.75		13.9	
31	446	214	Lê Hoàng	Cúc	6.6	6.25	7.25	V		20.1	
32	123	215	Nguyễn Thái	Cường	V	2.5	4.75	5		12.25	
33	126	216	Trần Công	Cường	6.6	7.25	8.5	V		22.35	
34	281	217	Trần Văn	Cường	6.6	7.5	9	3		26.1	
35	295	218	Nguyễn Hữu	Đạt	4.4	3.75	3	3.75		14.9	
36	365	219	Đỗ	Đạt	6.4	6.75	7.75	2		22.9	
37	133	220	Hoàng Duy	Định	5.4	7	7.25	V		19.65	
38	425	221	Nguyễn Văn	Đức	6	6.5	5.75	V		18.25	
39	453	222	Lê Hồng	Đức	4.2	2.25	3.5	V		9.95	
40	161	223	Lê Phương	Dung	5.6	7.75	6.75	2.75		22.85	
41	189	224	Lê Thị	Dung	4.4	3.75	3	2.75		13.9	
42	401	225	Lê Tuấn	Dũng	5.4	5.75	5	2.75		18.9	
43	106	226	Nguyễn Minh Gia	Duy	7.4	4.25	5.5	2.25		19.4	
44	48	227	Lê Mỹ	Duyên	6.2	5.5	4.25	2.75		18.7	
45	41	228	Phạm Thị	Hà	7	7.25	8	3.5		25.75	
46	298	229	Tạ Thị Thu	Hà	5.8	5.75	4.25	3.5	7.8	27.1	
47	426	230	Nguyễn Hải	Hà	5.4	6.75	7	2.75		21.9	

48	121	231	Mai Thanh	Hải	9	8	8.5	2.25		27.75	

ĐIỂM PHÒNG THI 211(A5-1)
Phòng thi: KHTN+Toán

Stt	Số phiếu	SBD	Họ và tên		Toán	Lý	Hóa	Sinh	Anh	Tổng	Ghi chú
1	284	232	Hà Thanh	Hải	7.2	8.25	9	2.25		26.7	
2	408	233	Võ Thị	Hải	5.4	4	6	6.25		21.65	
3	26	234	Trịnh Thu	Hằng	6.8	3.5	6.25	7.25		23.8	
4	61	235	Dương Bảo	Hằng	5.2	4.25	7.25	8		24.7	
5	405	236	Mai Thanh	Hằng	7.2	8	6.5	0		21.7	
6	466	237	Hoàng Thị	Hằng	7.4	7.75	9.25	3		27.4	
7	152	238	Lê Thị	Hạnh	5.4	6.75	7.25	3		22.4	
8	434	239	Lê Thị	Hạnh	7.6	5.5	7.75	7.75		28.6	
9	427	240	Nguyễn Thị Thúy	Hiền	5.6	7	6.25	2.75		21.6	
10	276	241	Phạm Trung	Hiếu	6.4	7.5	9.25	4.75		27.9	
11	403	242	Nguyễn Thị	Hoa	8.2	0	9.5	8		25.7	
12	58	243	Phan Minh	Hoàng	6.2	6.75	9	2.75		24.7	
13	125	244	Lê Văn	Hùng	5.2	5.75	6	1.25		18.2	
14	129	245	Lê Đức	Hùng	6.6	8.5	8.75	4		27.85	
15	132	246	Nguyễn Tuấn	Hùng	7.4	7.75	9.25	3.25		27.65	
16	135	247	Nguyễn Mạnh	Hùng	V	6.25	5.5	2.5		14.25	
17	419	248	Hoàng Mạnh	Hùng	8.2	8.25	8.75	1.25		26.45	
18	465	249	Hoàng Tất	Hùng	8.2	7.25	8	2.75		26.2	
19	428	250	Nguyễn Đình	Hưng	6	5	4.25	1.75		17	
20	156	251	Lê Thị Lan	Hương	6.2	3.25	7	6.25		22.7	
21	464	252	Hoàng Thị	Hương	7	2.75	7.25	7		24	
22	287	253	Nguyễn Văn	Hướng	4.6	5	4.25	2.5		16.35	
23	122	254	Hoàng Tuấn	Huy	8.4	8.25	8.5	2.5		27.65	
24	417	255	Phạm Văn	Huy	8.6	7.75	9	2.25		27.6	
25	444	256	Vũ Văn	Huy	5.6	6.75	6.25	0		18.6	
26	451	257	Đỗ Quang	Huy	5.8	6.75	6	2.5		21.05	
27	280	258	Vũ Thanh	Huyền	7.2	7.75	6.75	0.75		22.45	
28	128	259	Trần Công	Khang	6.6	7.5	7	3.75		24.85	
29	49	260	Chân Tuệ	Khanh	6	5	3.25	0		14.25	
30	190	261	Lê Đình	Khánh	6.4	7	5.75	3.75		22.9	
31	107	262	Cao Ngang	Kiên	9.2	9	9.25	3.75		31.2	
32	109	263	Cao Bằng	Kiên	8	6.75	7.25	2.25		24.25	
33	114	264	Cao Vược	Kiên	4.4	6.25	3	3.5		17.15	
34	119	265	Cao Hơn	Kiên	7.2	7.5	8.25	2.75		25.7	
35	272	266	Lê Đức	Kiên	6.8	7.75	8.25	3.25		26.05	
36	469	267	Tạ Lê	Kiên	9.2	9.5	8.75	6.75		34.2	
37	105	268	Cao Thế	Kiến	6.8	7	6.75	7.5		28.05	
38	104	269	Đặt Tên	Là	6.6	6	7.25	0		19.85	
39	198	270	Tống Hoàng	Lam	6.6	6.5	5.5	2		20.6	
40	436	271	Nguyễn Quỳnh	Lam	5.6	7	5.5	3.25		21.35	
41	437	272	Nguyễn Thảo	Lam	5.4	4.5	5.5	2		17.4	
42	124	273	Dương Tùng	Lâm	6.6	6.5	6.5	2.25		21.85	
43	197	274	Vũ Hoàng	Lâm	8.4	5.75	9	8.75		31.9	
44	47	275	Đỗ Phương	Linh	6.6	3	6.75	5		21.35	
45	60	276	Nguyễn Tiến	Linh	5.8	6.5	6	2.25		20.55	
46	141	277	Lê Hoàng Gia	Linh	7	6.75	7.75	2.5		24	
47	145	278	Trần Văn	Linh	8.4	8	2.25	3.75		22.4	

48	148	279	Lê	Linh	6.8	7.5	7.75	7.25		29.3	
49	157	280	Lê Mai	Linh	7.6	7.5	7.75	3.75		26.6	
50	404	281	Nguyễn Thị Thùy	Linh	6.4	9.25	7.25	2.5		25.4	
51	414	282	Lê Khánh	Linh	V	V	7.25	0		7.25	
52	461	283	Nguyễn Thị	Linh	6	5.5	8.5	7.25		27.25	
53	463	284	Trần Thị	Linh	7.4	8	7.25	3		25.65	
54	118	285	Phạm Phương	Loan	7	8.5	7.75	4.25		27.5	

ĐIỂM PHÒNG THI 210(A5-1)
Phòng thi: KHTN+Toán

Stt	Số phiếu	SBD	Họ và tên		Toán	Lý	Hóa	Sinh	Anh	Tổng	Ghi chú
1	296	286	Phạm Thị	Loan	5.4	V	V	V	7.4	12.8	
2	30	287	Nguyễn Thành	Long	6.6	6.75	8.5	2.5		24.35	
3	57	288	Hà Vũ	Long	7.2	7.25	6.5	V		20.95	
4	134	289	Nguyễn Bảo	Long	V	5.25	4.75	2		12	
5	59	290	Phạm Công	Minh	6.4	7	4.25	V		17.65	
6	130	291	Nguyễn Hữu	Minh	V	2.5	9	4.5		16	
7	160	292	Nguyễn Tài Nhật	Minh	8.4	8.25	7.25	3.5		27.4	
8	452	293	Lê Trà	My	3.4	3.25	5.25	V		11.9	
9	158	294	Lê Thị Lê	Na	7	7	8.5	2.25		24.75	
10	407	295	Lương Thị	Ngọc	6.6	8	8	V		22.6	
11	422	296	Phạm Thị	Ngọc	4.4	5.75	7.75	7.75		25.65	
12	442	297	Nguyễn Thảo	Nguyên	5.2	5	4.5	V		14.7	
13	46	298	Lê Thị	Nhung	6.4	6.75	7	2.75		22.9	
14	420	299	Nguyễn Hồng	Nhung	5.4	2.75	7	7.5		22.65	
15	103	300	Lê Hồng	Phong	4.4	5.25	5.25	2.5		17.4	
16	191	301	Đinh Hoàng	Phương	7.8	7	9	4.25		28.05	
17	282	302	Tống Thị	Phương	7	4.75	8.75	7.5		28	
18	283	303	Nguyễn Hồng	Phương	6	6.25	5.75	2.5		20.5	
19	285	304	Nguyễn Thị	Phương	6.8	3.75	8.25	7.5		26.3	
20	288	305	Tống Đức	Phương	6	6.75	7.25	2.75		22.75	
21	406	306	Lại Thị Lan	Phương	5.2	6	5.75	1.75		18.7	
22	273	307	Trịnh Minh	Quyết	5.4	7	5	V		17.4	
23	277	308	Trịnh Trọng	Quyết	6.6	7.5	5.75	V		19.85	
24	113	309	Đỗ Hương	Quỳnh	7.2	7.5	7.75	3		25.45	
25	115	310	Hoàng	Quỳnh	5.8	5.25	7.25	7.5		25.8	
26	366	311	Đỗ	Tài	6	6.5	9	7		28.5	
27	52	312	Nguyễn Đăng	Thắng	7	6.5	6.25	V		19.75	
28	445	313	Nguyễn Nam	Thắng	5.2	4	6.5	V		15.7	
29	29	314	Nguyễn Văn	Thanh	5.6	5.75	6.75	V		18.1	
30	300	315	Tống Thị	Thanh	7	7	8.5	3.25		25.75	
31	28	316	Ngô Văn	Thành	7.2	7.25	7.75	3.5		25.7	
32	364	317	Đỗ	Thành	6	7.25	7.75	2.75		23.75	
33	102	318	Mai Thị Phương	Thảo	7.2	8	9	3		27.2	
34	16	319	Lê Thanh	Thiên	6.6	7.5	6.25	3.5		23.85	
35	27	320	Ngô Đức	Thiện	7	1.75	8.5	6.75		24	
36	39	321	Trương Văn	Thịnh	7.8	8	8.5	3		27.3	
37	146	322	Lê Minh	Thọ	9	8	9	8		34	
38	278	323	Lê Thị	Thương	7.2	5.5	8.25	7.5		28.45	
39	143	324	Nguyễn Thị	Thùy	8.6	4	7.25	7.75		27.6	
40	19	325	Trần Cao	Thủy	4.4	6.75	5.25	3.25		19.65	
41	178	326	Hoàng Lan	Tôn	7	7.75	7.25	2.75		24.75	
42	99	327	Hoàng Thị Thu	Trang	4.4	5.5	6.5	2		18.4	
43	117	328	Trịnh Việt Hà	Trang	8.8	6.5	8.25	2		25.55	
44	275	329	Hoàng Hà	Trang	7	7	6	V		20	
45	292	330	Đinh Thị Vân	Trang	3	4	3	2.75		12.75	
46	421	331	Lê Thùy	Trang	5	3.25	4.5	5.75		18.5	
47	18	332	Phạm Gia	Trọng	6.4	7.25	8.75	7.5		29.9	

48	199	333	Đinh Hoàng	Trung	5.4	6.75	7.25	3.25		22.65	
49	423	334	Vũ Chí	Trung	6.8	9	9.75	3.25		28.8	
50	55	335	Hà Văn	Trường	5	6	5.75	V		16.75	
51	131	336	Lê Tăng	Trường	7.8	7.25	9	2.5		26.55	
52	127	337	Dương Đình	Tuấn	6.6	4.25	6	V		16.85	
53	192	338	Trịnh Mai	Tuấn	8.8	7.75	8.5	3.5		28.55	
54	424	339	Vũ Chí	Tuấn	7.6	8	9.25	3.25		28.1	

ĐIỂM PHÒNG THI 205(A5-1)
Phòng thi: KHTN+Toán

Stt	Số phiếu	SBD	Họ và tên		Toán	Lý	Hóa	Sinh	Anh	Tổng	Ghi chú
1	175	340	Trâm Quang	Tuệ	7.2	8.25	8.25	2.75		26.45	
2	45	341	Trương Thanh	Tùng	6.4	7.5	8	7.75		29.65	
3	54	342	Vi Văn	Tươi	4	6.5	6.25	V		16.75	
4	299	343	Ngô Thị	Uyên	6.8	5	6.75	2		20.55	
5	435	344	Hoàng Tố	Uyên	8.2	9	7.75	3		27.95	
6	402	345	Mai Thị	Vân	5.8	5.5	7	2.5		20.8	
7	108	346	Mai Quang	Vinh	8.8	7	6	3.25		25.05	
8	116	347	Phạm Phi	Vũ	6.4	6.5	5.5	5.5		23.9	
9	336	348	Doãn Thị	Xuân	7	8.25	8.25	3.75		27.25	
10	286	349	Mai Thị Thanh	Yên	6.6	2.5	7	6.25		22.35	
11	182	350	Nguyễn Trọng	Tú	3.8	5.25	5	4		18.05	T+L+H
12	253	351	Lê Mai	Tuấn	5.6	5.5	3.25	V		14.35	T+L+H
13	264	352	Trần Quốc	Việt	7.4	7.75	8	V		23.15	T+L+H
14	43	353	Nguyễn Thị	Xuân	8	7.25	8.75	V		24	T+L+H
15	34	354	Hoàng Tiến	Mạnh	3.8	V	6.25	6		16.05	T+H+S
16	38	355	Lê Trung	Thắng	6	0	8.5	6.75		21.25	
17	42	356	Cao Thị Lan	Anh	5.2	V	7.25	6		18.45	
18	98	357	Trần Thị Thùy	Linh	6	3.25	4.5	5.75		19.5	
19	137	358	Lê Minh	Huy	4.2	4.25	V	V		8.45	T+L
20	263	359	Trịnh Thắm	Anh	6.8	4.25	7.25	5.5		23.8	T+H+S
21	447	360	Trịnh Thị Mỹ	Tâm	7.6	3	8.25	7.5		26.35	T+H+S
22	456	361	Hoàng Thái	Dương	V	5.75	9.5	7.75		23	T+H+S
23	201	385	Nguyễn Nhân	Minh	6.6	6.75	7.75	V		21.1	T+H+S
24	202	386	Dương Thanh	Thúy	V	5.25	7.25	V		12.5	T+H+S
25	203	387	Vũ Đức	Tiến	7	8	7.75	V		22.75	T+H+S
26	204	388	Nguyễn Thị Trúc	Linh	5.2	4.75	6.75	V		16.7	T+H+S
27	205	389	Lê Khánh	Linh	6.8	4.25	7.75	7		25.8	T+H+S
28	206	390	Nguyễn Thị	Hiền	6	2.75	2	V		10.75	T+H+S
29	207	391	Lê Minh	Thư	6.8	4.5	7.75	7.25		26.3	T+H+S
30	208	392	Nguyễn Văn	Khải	8	8.5	8.75	V		25.25	T+H+S
31	209	393	Trịnh Đình	Kỳ	6.2	7.5	8	V		21.7	T+H+S
32	210	394	Đỗ Xuân	Đức	V	7.5	6.75	V		14.25	T+H+S
33	211	395	Nguyễn Xuân	Phúc	5.6	7	6	V		18.6	T+H+S
34	213	396	Trần Quang	Thịnh	6	7.25	7	V		20.25	T+H+S
35	214	397	Lê Đức	Anh	7.4	7	6.75	V		21.15	T+H+S
36	216	398	Nguyễn Văn	Trường	7	7.25	6.5	V		20.75	T+H+S
37	215	400	Nguyễn Đức	Hiếu	8	8	7	3.5		26.5	
38	217	401	Nguyễn Văn	Cường	3.4	4.25	3.75	3	3.2	17.6	5 môn
39	218	402	Đàm Như	Nam	8.6	6.75	V	0	V	15.35	5 môn
40	474	403	Nguyễn Tường	Linh	V	7	V	V	V	7	5 môn
41	475	404	Lê Đức	Anh	6	7.5	5.25	V	V	18.75	5 môn
42	476	405	Lê Hồng	Đức	7	7.75	6.25	3	V	24	5 môn
43	477	406	Nguyễn Thị Khánh	Ly	6	5.25	4.5	V	V	15.75	
44	478	407	Nguyễn Thị Trang	Anh	7.8	3.5	7.25	8.75	8.6	35.9	5 môn
45	479	408	Hoàng Nhật	Linh	5.4	6	7.5	V		18.9	
46	480	409	Đỗ Minh	Thu	8	7.25	3	2	7	27.25	5 môn
47	482	411	Nguyễn Tấn	Dũng	5.2	7.25	4.25	V		16.7	5 môn

48	483	412	Nguyễn Thị Thu	Hiền	4.4	4.25	5.5	V		14.15	
49	484	413	Phạm Xuân	Thành	6	6.5	6.25	V		18.75	
50	485	414	Nguyễn Ngọc	Vinh	5.8	7	5	3.5	V	21.3	

ĐIỂM PHÒNG THI 301(A5-1)
Phòng thi: Toán+Anh

Stt	Số phiếu	SBD	Họ và tên		Toán	Lý	Hóa	Sinh	Anh	Tổng	Ghi chú
1	40	362	Dương Tâm	Anh	6.2				5.6	11.8	
2	149	363	Trần Thị Ngọc	Anh	6.8				7.6	14.4	
3	164	364	Vũ Ngọc	Anh	3				3.4	6.4	
4	165	365	Trần Thị	Anh	6.2				4.2	10.4	
5	12	366	Trần Thị Quỳnh	Chi	4				V	4	
6	13	367	Trần Thị Huyền	Giang	V				V	0	
7	36	368	Nguyễn Thị Thu	Hà	4.6				4.8	9.4	
8	14	369	Cao Thị	Hồng	3				V	3	
9	37	370	Cao Thanh	Huyền	7.2				8.6	15.8	
10	4	371	Lưu Thị	Linh	4				4	8	
11	5	372	Ngô Khánh	Linh	4.6				4	8.6	
12	110	373	Tống Nguyễn Hà	My	6.8				V	6.8	
13	15	374	Nguyễn Thị Quỳnh	Nhi	4.8				V	4.8	
14	120	375	Vũ Phương	Thảo	5.2				4.2	9.4	
15	10	376	Nguyễn Thị Thu	Trang	6				7	13	
16	17	377	Trần Thị Hiền	Trang	4.4				V	4.4	
17	71	378	Vũ Huyền	Trang	V				V	0	
18	9	379	Lê Thị	Vân	5				3.6	8.6	
19	73	380	Hồ Phong Hạ	Vũ	3.2				4.4	7.6	
20	185	381	Lương Việt	Anh	V					0	Toán
21	448	382	Lại Thị Ngọc	Ánh	6					6	Toán
22	467	383	Lê Thúy	Hằng	6.4					6.4	Toán
23	468	384	Nguyễn Đình	Lương	0				3.6	3.6	
24	212	399	Lê Hồng	Nhung	V				6.4	6.4	
25	217	401	Nguyễn Văn	Cường	3.4				3.2	6.6	P.205
26	218	402	Đàm Như	Nam	V				V	0	P.205
27	474	403	Nguyễn Tường	Linh	V				V	0	P.205
28	475	404	Lê Đức	Anh	6				V	6	P.205
29	476	405	Lê Hồng	Đức	7				V	7	P.205
30	478	407	Nguyễn Thị Trang	Anh	7.8				8.6	16.4	P.205
31	481	410	Nguyễn Minh	Lộc	5.8				7.4	13.2	P.205
32	480	409	Đỗ Minh	Thu	8				7	15	P.205
33	482	411	Nguyễn Tấn	Dũng	5.2				V	5.2	P.205
34	486	500	Hoàng Huyền	Trang	6.2				V	6.2	P.105
35	487	501	Hoàng Ngọc	Đông	8				V	8	P.105
36	488	502	Nguyễn Thành	Công	5.8				V	5.8	P.105
37	489	503	Lê Thị Kim	Anh	4.6				V	4.6	P.105
38	490	504	Lê Trung	Hiếu	6				V	6	P.105
39	491	505	Vũ Thị	Xoan	6.2				V	6.2	P.105
40	492	506	Trịnh Quang	Anh	7.6				V	7.6	P.105
41	493	507	Lê Chí Thái	Sơn	5.6				V	5.6	P.105
42	494	508	Nguyễn Văn	Hải	6				V	6	P.105
43	495	509	Hoàng Anh	Đạt	3.4				V	3.4	P.105
44	496	510	Lê Hoàng	Tú	4.2				V	4.2	P.105
45	497	511	Lê Văn	Quang	4.6				3	7.6	P.105
46	498	512	Nguyễn Thị	Chinh	7				6.2	13.2	P.105
47	499	513	Đỗ Văn	Tuấn	5.2				V	5.2	P.105

48	500	514	Lê	Minh	6.2				V	6.2	P.105
49	501	515	Thiếu Mạnh	Dũng	5.4				V	5.4	P.105
50	70	530	Vũ Đức	Long	7.6				6.6	14.2	P.105
51	470	531	Đỗ Đình	Đắc	9				7.6	16.6	P.105

ĐIỂM PHÒNG THI 105(A5-1)
Phòng thi: 5 môn

Stt	Số phiếu	SBD	Họ và tên		Toán	Lý	Hóa	Sinh	Anh	Tổng	Ghi chú
1	486	500	Hoàng Huyền	Trang	6.2	7.25	5.75			19.2	
2	487	501	Hoàng Ngọc	Đông	8	7	7.75	2.75		25.5	
3	488	502	Nguyễn Thành	Công	5.8	6	8.5			20.3	
4	489	503	Lê Thị Kim	Anh	4.6	2.75	6	6.5		19.85	
5	490	504	Lê Trung	Hiếu	6	6	7	4		23	
6	491	505	Vũ Thị	Xoan	6.2	7.5	7			20.7	
7	492	506	Trịnh Quang	Anh	7.6	7.25	8			22.85	
8	493	507	Lê Chí Thái	Sơn	5.6	3	4	6		18.6	
9	494	508	Nguyễn Văn	Hải	6	6.75	5.25			18	
10	495	509	Hoàng Anh	Đạt	3.4	3.5				6.9	
11	496	510	Lê Hoàng	Tú	4.2	5.25	4.25			13.7	
12	497	511	Lê Văn	Quang	4.6	6.5			3	14.1	
13	498	512	Nguyễn Thị	Chinh	7	8	2		6.2	23.2	
14	499	513	Đỗ Văn	Tuấn	5.2	5	5.25			15.45	
15	500	514	Lê	Minh	6.2	6.25	6.5			18.95	
16	501	515	Thiếu Mạnh	Dũng	5.4	4.75	4			14.15	
17	70	530	Vũ Đức	Long	7.6	7.75	9.25		6.6	31.2	
18	470	531	Đỗ Đình	Đắc	9	7.75			7.6	24.35	